

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng liên thông
Tên ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô

Mã ngành: 6510202

HỌC KỲ 1 (20 Tín chỉ)

Tiếng Anh
MH3207200. 2(1,1)

GD Thể chất
MH3209106. 1(0,1)

Pháp luật
MH3208104. 1(1,0)

Tin Học
MH3201202. 1(0,1)

Linh kiện điện-điện tử ô tô
MH3232419. 2(1,1)

Tiếng anh chuyên ngành ô tô
MH3232422. 2(1,1)

Thực tập động cơ nâng cao
MĐ3232423. 2(0,2)

Lý thuyết ô tô
MH3232421. 3(2,1)

Năng lượng tái tạo
MH3232400. 2(2,0)

Chuyên đề ô tô lai, ô tô điện
MH3232430.4(4,0)

HỌC KỲ 2 (22 Tín chỉ)

Giáo dục chính trị
MH3208021. 3(3,0)

Vẽ Auto cad
MH3232420. 2(1,1)

Dung sai kỹ thuật đo
MH3232418. 2(2,0)

Hệ thống tiện nghi và giải trí trên ô tô
MĐ3232424. 4(3,1)

Gầm ô tô nâng cao
MH3232425. 3(3,0)

Thực tập gầm ô tô nâng cao
MĐ3232426. 2(0,2)

Kỹ thuật sửa chữa sơn ô tô
MĐ3232429. 3(2,1)

Quản lý dịch vụ ô tô
MH3232431. 2(2,0)

GD QP và AN
MH3209022. 1(0,1)

HỌC KỲ 3 (16 Tín chỉ)

Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô theo định kỳ
MĐ3232427. 2(0,2)

Thực tập chẩn đoán kiểm định ô tô
MĐ3232428. 2(0,2)

Kỹ thuật sửa chữa thân vỏ ô tô
MĐ3232434. 3(1,2)

Kỹ thuật chăm sóc và làm đẹp xe
MĐ3232435. 3(1,2)

Khóa luận tốt nghiệp
MĐ3232433. 6(2,4)

Thực tập tốt nghiệp
MĐ3232432. 6(0,6)

**Tự chọn
(6 TC)**



TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Lâm Văn Lợi

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Nhật